

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 299 /2017/HNGĐ- ST

Ngày: 30/9/2017

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tấn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thông

Ông Phạm Bá Sang

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Hải, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 232/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2017 về việc “Yêu cầu ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Tuyết T, sinh năm 1996.

Trú tại: Khối phố 5, phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Tấn Đ, sinh năm 1984.

Trú tại: Khối phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tuyết T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Tấn Đ kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống không có hạnh phúc nên xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện tại đã sống ly thân, mỗi người sống mỗi nơi, bà đã về nhà cha mẹ ruột để sinh sống. Xét thấy, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Lê Tấn Đ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông Lê Tấn Đ có với nhau được 01 con chung tên Lê Thị Kim Y, sinh ngày 25/6/2015. Hiện tại cháu đang ở với bà nên bà muốn được nuôi con và yêu cầu ông Lê Tấn Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Tấn Đ: Sau khi Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập cũng như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Lê Tấn Đ vắng mặt không có lý do. Do đó việc lấy lời khai của ông Lê Tấn Đ và việc hòa giải không thực hiện được.

Các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: giấy chứng nhận kết hôn; giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu; bản tự khai của bà Huỳnh Thị Tuyết T; biên bản xác minh của Tòa án; các tài liệu liên quan đến quá trình tố tụng của Tòa án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án và nguyên đơn đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn cố tình vắng mặt, không chấp hành theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Huỳnh Thị Tuyết T ly hôn với ông Lê Tấn Đ, giao con cho bà T nuôi dưỡng và buộc ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Huỳnh Thị Tuyết T và ông Lê Tấn Đ kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do trong thời kỳ chung sống nảy sinh nhiều mâu thuẫn nên bà Huỳnh Thị Tuyết T khởi kiện yêu cầu ly hôn. Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật theo Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bị đơn ông Lê Tấn Đ đang cư trú tại phường P, thành phố T, đã được tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không tham gia các hoạt động trong quá trình chuẩn bị xét xử nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải được, tại phiên tòa bị đơn ông Lê Tấn Đ tiếp tục vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Lê Tấn Đ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Tuyết T và ông Lê Tấn Đ xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Cuộc sống chung giữa bà T và ông Đ có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà Huỳnh Thị Tuyết T là do bất đồng quan điểm nên sống chung không có hạnh phúc. Hiện tại mỗi người sống mỗi nơi, không ai quan tâm đến ai nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Tấn Đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo mở phiên hòa giải nhiều lần nhưng ông Đ vẫn cố tình vắng mặt, tại phiên tòa ông Lê Tấn Đ vẫn vắng mặt, điều này thể hiện ông Đạt không có thiện chí trong việc hàn gắn lại mối quan hệ của vợ chồng. Tại biên bản xác minh tại địa phương nơi bà T và ông Đ sinh sống thể hiện hiện nay bà T và ông Đ đã sống ly thân. Như vậy có cơ sở khẳng định rằng quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Tuyết T và ông Lê Tấn Đ thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho cho bà Huỳnh Thị Tuyết T được ly hôn với ông Lê Tấn Đ là phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Huỳnh Thị Tuyết T và ông Lê Tấn Đ có với nhau 01 con chung tên Lê Thị Kim Y, sinh ngày 25/6/2015. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị Tuyết T yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Xét thấy, cháu Lê Thị Kim Y, hiện nay mới hơn 02 tuổi, đang ở với bà Huỳnh Thị Tuyết T, ở độ tuổi này cần giao cho người mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Bà T yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp nên chấp nhận. Hình thức cấp dưỡng hằng tháng, thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10/2017.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí:

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Huỳnh Thị Tuyết T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Án phí cấp dưỡng nuôi con ông Lê Tấn Đ phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84, Điều 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Tuyết T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Tuyết T ly hôn với ông Lê Tấn Đ.

Về con chung: Giao con chung Lê Thị Kim Y, sinh ngày 25/6/2015 cho bà Huỳnh Thị Tuyết T chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng (đủ 18 tuổi).

Ông Lê Tấn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu Lê Thị Kim Y đến tuổi trưởng (đủ 18 tuổi). Hình thức cấp dưỡng hằng tháng, thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10/2017.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Huỳnh Thị Tuyết T có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Lê Tấn Đ không trả đủ số tiền cấp dưỡng trên thì hằng tháng ông Lê Tấn Đ phải chịu lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ông Lê Tấn Đ có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật tố tụng dân sự.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Bà Huỳnh Thị Tuyết T chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002841 ngày 26/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Ông Lê Tấn Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND T;
- Tòa án tỉnh, VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Tấn Long